TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 13-3-2025
V/v: tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhiễm

2. Ông Thạch Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024, về việc: tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 24/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kim Th, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm 5, thị trấn Cầu Q, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có ủy quyền

- *Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị Kim Th:* Ngô Thị Mai Kh, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Định Phú C, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2024). Có mặt

- *Bị đơn :* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp Định Phú C, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Định Th; địa chỉ: ấp Hòa Th, xã Định Th, huyện Thoại S, tỉnh An Giang). Vắng mặt, có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp Định Phú C, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 nguyên đơn bà Th yêu cầu:

Trong năm 2019 âl, bà tham gia hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Th làm đầu thảo, dây hụi khui ngày 10/11/2018 âl, loại hụi 5.000.000đ/01phần/tháng, gồm 13 phần, bà Th tham gia 01 phần và đóng hụi đến lần thứ 05, với số tiền 14.300.000đ, thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có danh sách hụi viên, hình thức khui hụi là hụi viên nào bỏ thăm cao nhất thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đầu thảo đi gom tiền hụi của các hụi viên, cụ thể các lần bà đóng hụi như sau:

+ Lần khui đầu tiên, hụi viên Út Ỉ kêu 2.200.000đ, bà đóng 2.800.000đ

+ Lần khui thứ 02, hụi viên 5 X kêu 2.000.000đ, bà đóng 3.000.000đ

+ Lần khui thứ 03, hụi viên Th 2 Chiến kêu 2.000.000đ, bà đóng 3.000.000đ

+ Lần khui thứ 04, hụi viên 9 Th kêu 2.000.000đ, bà đóng 3.000.000đ

+ Lần khui thứ 05, hụi viên H kêu 2.500.000đ, bà đóng 2.500.000đ

Đến lần khui thứ 06 vợ chồng bà Th, ông Th tuyên bố úp hụi (bể hụi) nhưng không trả lại tiền hụi sống nên bà Th khởi kiện vợ chồng bà Th, ông Th yêu cầu trả tiền hụi 14.300.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2025 và phiên tòa ngày 13/3/2025 bà Kh đại diện của bà Th cho rằng bà Th vẫn giữ khởi kiện ông Th và bà Th cùng trả tiền hụi 14.300.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Việc bà Th cho rằng ông Th không biết, không liên quan là không đúng. Bởi vì trong các lần khui hụi ông Th đều có tham gia, có nhận tiền hụi khi hụi viên tới nhà đóng, cũng có đi gom tiền hụi thay cho bà Th nhiều lần và khi xét xử bà Th tội lừa đảo (tại Bản án số: 09/2023/HS-ST ngày 15/02/2023) Tòa án tỉnh có giải thích cho các hụi viên có quyền khởi kiện bà Th, ông Th trong các dây hụi tranh chấp dân sự nên bà yêu cầu ông Th có nghĩa vụ cùng trả tiền hụi này. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 01 năm 2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Th cho rằng:

Bà thừa nhận có làm đầu thảo nhiều dây hụi, trong đó có dây hụi khui ngày ngày 10/11/2018 âl, loại hụi 5.000.000đ/01phần/tháng, gồm 13 phần, bà Th tham gia 01 phần và đóng được 05 lần hụi sống, số tiền 14.300.000đ. Nay bà đồng ý trả cho bà Th tiền hụi 14.300.000đ này. Nhưng việc làm đầu thảo hụi do một mình bà làm nên bà yêu cầu được trả một mình, trong gia đình chồng và các con không biết và không liên quan. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 28 tháng 02 năm 2025 bị đơn ông Nguyễn Văn Th khai cho rằng:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Th, nhưng việc bà Th làm đầu thảo hụi, tổ chức khui hụi, thu tiền hụi và còn nợ tiền hụi của các hụi viên để các hụi viên khởi kiện là của riêng bà Th, ông yêu cầu bà Th tự trả, ông không có trách nhiệm cùng trả với bà Th. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập, bị đơn thì có đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại các phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến phiên tòa và phần yêu cầu của nguyên đơn. Nhận thấy: yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn bà Th, ông Th trả tiền hụi 14.300.000đ trong dây hụi khui ngày ngày 10/116/2018 âl, loại hụi 5.000.000đ và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà Th thừa nhận còn thiếu 14.300.000đ và đồng ý trả số tiền này, đối với ông Th là chồng bà Th, việc bà Th làm đầu thảo hụi trong thời kỳ hôn nhân, thời gian dài và diễn ra tại nhà, ông Th biết mà không phản đối, hơn nữa tiền hoa hồng từ việc làm đầu thảo hụi bà Th sử dụng chung trong gia đình nên ông Th phải có nghĩa vụ cùng bà Th trả số tiền 14.300.000đ nêu trên.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 92, 147, 157, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th

Buộc bà Th và ông Th trả cho bà Thu tiền hụi 14.300.000đ (dây hụi khui ngày ngày 10/11/2018 âl, loại hụi 5.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th là có đề nghị xét xử vắng mặt. Nhận thấy, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định, căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2025 và tại phiên tòa bà Kh là người đại diện của bà Th vẫn giữ yêu cầu ông Th, bà Th trả tiền hụi trong dây hụi khui ngày 10/11/2018 (âl), loại hụi 5.000.000đ/01phần/tháng, số tiền 14.300.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi. Nhận thấy: qua lấy lời khai bà Th (bút lục từ 17 – 22) bà Th khai xác nhận bà Th có tham gia dây hụi nêu trên, thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả số tiền 14.300.000đ, đây được coi là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với ông Th, quá trình giải quyết vụ án có lời khai tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục 43 và 45) cho rằng: bà Th làm đầu thảo hụi

một mình nên bà Th tự trả nợ, ông không có trách nhiệm cùng trả. Nhận thấy: qua lời khai xác nhận của bà Kh và các hụi viên khác cùng tham gia hụi cho thấy thời điểm bà Th làm đầu thảo hụi, ông Th là chồng cùng sinh sống chung nhà, cùng chi tiêu sinh hoạt từ nguồn tiền thu lợi trong giao dịch hụi giữa bà Th với các hụi viên, nhiều lần thay bà Th thu tiền hụi của các hụi viên, nên căn cứ Luật hôn hân và gia đình quy định: (1) về căn cứ xác lập đại diện giữa vợ và chồng tại khoản 1 điều 24; (2) về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng tại khoản 1 điều 27; (3) về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng tại điều 37 thì có cơ sở buộc ông Th cùng có nghĩa vụ trả nợ là thỏa đáng và đúng quy định.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận

[5] Về án phí: theo quy định thì đáng lẽ ông Th và bà Th phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch, nhưng do họ đều là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tiền án phí theo quy định điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn toàn bộ tiền án phí, bà Th không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ vào điều 12, 14 và điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim Th – do bà Ngô Thị Mai Kh đại diện.

Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Th liên đới cùng trả cho bà Hồ Thị Kim Th, số tiền 14.300.000 đồng (dây hụi khui ngày 10/11/2018 âl, loại hụi 5.000.000đ/01phần/tháng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Th.

Trả lại bà Hồ Thị Kim Th tiền tạm ứng án phí đã nộp 357.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0006405 ngày 06/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga